Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8609.00.10

Mã HS	8609.00.10
Mô tả hàng hóa	Công-ten-nơ (kể cả công-ten-nơ dùng vận chuyển chất lỏng) được thiết kế và trang bị đặc biệt để vận chuyển theo một hoặc nhiều phương thức / - Bằng kim loại cơ bản
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 07:12:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/86090010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16255
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N16255
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16255
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15572
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15501
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15501
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15501
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15501
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15501
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15501
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15557
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15557

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15557
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15557
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15557
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15557
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15558
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15558
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15558
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15558
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15558
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15558
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15559
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15507
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15515
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15515
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15515
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15515
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15515
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15515
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15555
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15555
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15555
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15555
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15555
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15555
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15617
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15617

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15617
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15617
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15617
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15617
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15591
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15591
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15591
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15591
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15591
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15591
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15594
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15594
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15594
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15594
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15594
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15594
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15600
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15600
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15600
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15600
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15600
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15600
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15599
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15599
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15599
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15599

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15599
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15599
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15588
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15588
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15588
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15588
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15588
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15588
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15588
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15582
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15582
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15582
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15582
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15582
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15582
RCEP B	2022	2022	0	B!D15582
RCEP B	2023	2023	0	B!E15582
RCEP B	2024	2024	0	B!F15582
RCEP B	2025	2025	0	B!G15582
RCEP B	2026	2026	0	B!H15582
RCEP B	2027	2027	0	B!I15582
RCEP C	2022	2022	0	C!D15582
RCEP C	2023	2023	0	C!E15582
RCEP C	2024	2024	0	C!F15582
RCEP C	2025	2025	0	C!G15582
RCEP C	2026	2026	0	C!H15582

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I15582
RCEP D	2022	2022	0	D!D15581
RCEP D	2023	2023	0	D!E15581
RCEP D	2024	2024	0	D!F15581
RCEP D	2025	2025	0	D!G15581
RCEP D	2026	2026	0	D!H15581
RCEP D	2027	2027	0	D!I15581
RCEP E	2022	2022	0	E!D15585
RCEP E	2023	2023	0	E!E15585
RCEP E	2024	2024	0	E!F15585
RCEP E	2025	2025	0	E!G15585
RCEP E	2026	2026	0	E!H15585
RCEP E	2027	2027	0	E!I15585
RCEP F	2022	2022	0	F!D15582
RCEP F	2023	2023	0	F!E15582
RCEP F	2024	2024	0	F!F15582
RCEP F	2025	2025	0	F!G15582
RCEP F	2026	2026	0	F!H15582
RCEP F	2027	2027	0	F!I15582
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14533
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14533
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14533
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14533

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8609.00 có 2 dòng thuế; dòng 8609.00.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bằng kim loại cơ bản.	8609.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8609.00.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8609.00.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16255), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.